

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/KDTM-ST
Ngày: 31/3/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bò Quốc Khánh;
- Ông Võ Minh Phụng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Phúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐHPT-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH S, địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Tseng Yu H, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Ngô Thị Thanh X, sinh năm 2000, địa chỉ: 1 đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản uỷ quyền ngày 11/10/2024). Có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH MTV C, địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 08, đường D, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn M, chức vụ: Chủ tịch Công ty. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải, nguyên đơn Công ty TNHH S do bà Ngô Thị Thanh X- làm đại diện, trình bày:

Từ năm 2019 đến năm 2022 Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) có bán hàng là các sản phẩm sơn cho Công ty TNHH MTV C (Gọi tắt là Công ty C). Các bên căn cứ vào từng đơn đặt hàng của bên mua, giá cả căn cứ vào bảng báo giá, giao hàng đến kho bên mua. Theo đó Công ty S sẽ cung cấp hàng hóa cho Công ty C và Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S dựa trên các phiếu giao hàng và các hoá đơn tài chính kèm theo. Khi giao hàng cho Công ty C, Công ty S đều có phiếu giao hàng và sau đó xuất các hoá đơn tài chính (các chứng từ giao nhận hàng đều có xác nhận của đại diện Công ty C) như thỏa thuận của hai bên cũng như quy định tại Điều 34 của Luật Thương mại năm 2005. Từ thời điểm đặt hàng, giao hàng đến nay Công ty C

không có bất cứ khiếu nại gì về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tuy nhiên, Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty S như đã thỏa thuận.

Ngày 31/12/2021 hai bên có ký xác nhận công nợ là 1.461.063.738 đồng, đến nay Công ty C đã thanh toán 500.000.000 đồng và còn nợ 961.063.738 đồng. Theo quy định của Luật Thương mại năm 2005, Công ty S nhận thấy Công ty C đã vi phạm khoản 1, Điều 50 Luật Thương mại 2005: "*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*". Và căn cứ theo Điều 306 Luật thương mại 2005 "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Vì vậy phía Công ty C phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi do vi phạm hợp đồng (chậm thanh toán tiền hàng). Việc vi phạm hợp đồng và cam kết của Công ty C thuộc trường hợp áp dụng các chế tài theo quy định tại Điều 292 và Điều 297 của Luật Thương mại 2005. Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, tạm tính như sau: theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng thương mại (V, V1, A) tạm tính là 1%/tháng trên tổng số tiền còn nợ là 961.063.738 đồng từ ngày 31/12/2021 đến ngày 31/03/2025 (39 tháng). Lãi suất nợ quá hạn trên tổng công nợ tạm tính là : $961.063.738 \times 1\% \times 39 \text{ tháng} = 374.814.858$ (Ba trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm mười bốn nghìn tám trăm năm mươi tám đồng). Tổng số tiền yêu cầu Công ty C phải thanh toán cả tiền gốc và tiền lãi tạm tính là: 1.335.878.596 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng).

Bị đơn Công ty TNHH MTV C: Đã được nguyên đơn thông báo về việc khởi kiện. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và người đại diện hợp pháp cho bị đơn là Công ty TNHH MTV C và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã biết về việc khởi kiện. Về Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập bị đơn đến tham gia phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo Điều 178, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Riêng bị đơn - người đại diện theo pháp luật không có mặt là không chấp hành đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo Điều 178, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt; việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Kiểm sát viên không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S (Gọi tắt là Công ty S) yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Một thành viên C (Gọi tắt là Công ty C) thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, đối tượng tranh chấp trong vụ án là nghĩa vụ thanh toán và bị đơn có nơi cư trú tại ấp X, xã T, huyện B nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Điều 35, Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Căn cứ biên bản xác minh ngày 11/02/2025 của Công an xã T cung cấp và Công văn số 2782/ĐKKD ngày 26/12/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B thì Công ty TNHH MTV C vẫn còn đang hoạt động tại ấp X, xã T, huyện B.

Nguyên đơn Công ty S và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Riêng bị đơn Công ty C và người đại diện hợp pháp không có mặt là không chấp hành đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo Điều 178, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn và người đại diện hợp pháp vẫn vắng mặt nên việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa Công ty S và Công ty C có thỏa thuận giao kết mua bán hàng hóa gồm sơn các loại cho ngành gỗ. Số lượng và quy cách theo yêu cầu của từng đơn đặt hàng của Công ty TNHH MTV C. Các bên căn cứ vào từng đơn đặt hàng của bên mua, giá cả căn cứ vào bảng báo giá, giao hàng đến kho bên mua. Theo đó Công ty S sẽ cung cấp hàng hóa cho Công ty C và Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S dựa trên các phiếu giao hàng và các hoá đơn tài chính kèm theo. Khi giao hàng cho Công ty C, Công ty S đều có phiếu giao hàng và sau đó xuất các hoá đơn tài chính (các chứng từ giao nhận hàng đều có xác nhận của đại diện Công ty C). Từ thời điểm giao hàng đến nay Công ty C không có bất cứ khiếu nại gì về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tuy nhiên, Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty S như đã thỏa thuận. Ngày 31/12/2021 hai bên có ký xác nhận công nợ là 1.461.063.738 đồng, đến nay Công ty C đã thanh toán 500.000.000 đồng và còn nợ 961.063.738 đồng. Thực hiện theo hợp đồng Công ty trách nhiệm hữu hạn S đã giao hàng cho Công ty C theo đúng thỏa thuận, các bên đã xác nhận giao nhận hàng và đối chiếu công nợ đã xuất hóa đơn theo từng đợt giao hàng. Đến ngày 31/12/2021 hai bên có ký xác nhận công nợ là 1.461.063.738 đồng, sau đó Công ty C đã thanh toán 500.000.000 đồng và còn nợ 961.063.738 đồng.

Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bảng xác nhận công nợ của bị đơn chứng tỏ bên bị đơn có thỏa thuận mua hàng hóa của nguyên đơn nhưng việc thanh toán cho từng đợt giao hàng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ, như vậy có căn cứ xác định bị đơn chưa thanh toán tổng số tiền mua hàng (tiền gốc) cho nguyên đơn với số tiền 961.063.738 đồng (chín trăm sáu mươi một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng). Việc bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm thỏa thuận thanh toán với nguyên đơn nên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền là 961.063.738 đồng (chín trăm sáu mươi một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng) là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

[4] Xét yêu cầu về tiền lãi do bị đơn chậm thanh toán trên tổng số tiền còn nợ là 961.063.738 đồng từ ngày 31/12/2021 đến ngày 31/03/2025 (39 tháng) theo lãi suất nợ quá hạn trên tổng công nợ tạm tính là : $961.063.738 \text{ đồng} \times 1\% \times 39 \text{ tháng} = 374.814.858 \text{ đồng}$ (Ba trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm mười bốn nghìn tám trăm năm mươi tám đồng). Căn cứ Điều 292, 297 Luật thương mại năm 2005 nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 01%/tháng trên tổng số tiền gốc yêu cầu Công ty C phải thanh toán là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 31/3/2025 là: 1.335.878.596 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng). Do Công ty T thanh toán nên phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả phát sinh cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S kể từ ngày đến hạn thanh toán theo từng đợt giao hàng cho tới ngày thanh toán đầy đủ các khoản nợ. Theo đó số tiền lãi chậm trả phát sinh là 374.814.858 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm mười bốn nghìn tám trăm năm mươi tám đồng). Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm trả Công ty C phải thanh toán đến ngày 31/3/2025 là 1.335.878.596 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng) là có cơ sở. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Đối với bị đơn Công ty TNHH MTV C vắng mặt suốt quá trình tố tụng, mặc dù Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo Điều 178, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn.

[6] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Công ty TNHH MTV C phải chịu án phí sơ thẩm theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 95, Điều 147, Điều 178, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 246, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 50, 55, Điều 292, 297, 306, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S đối với bị đơn Công ty TNHH MTV C về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

Công ty TNHH MTV C có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S số tiền nợ gốc là 961.063.738 đồng (chín trăm sáu mươi một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng) và nợ lãi là 374.814.858 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm mười bốn nghìn tám trăm năm mươi tám đồng); tổng cộng phải thanh toán là 1.335.878.596 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH MTV C phải chịu số tiền 52.076.358 đồng (Năm mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi tám đồng).

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S số tiền 25.317.381 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn ba trăm tám mươi một đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0003880 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

